TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1521/2017/QĐST-HNGĐ	*Gò Vấp, ngày 16 tháng 11 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1335/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2017, giữa:

Người yêu cầu là bà Nguyễn Huỳnh E, sinh năm 1980; cư trú tại: Đường L, phường S, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (nơi đăng ký thường trú: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre);

Và ông Phạm Đức N, sinh năm 1981; cư trú tại: Đường T, phường X, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (nơi đăng ký thường trú: Phường Q, thành phố H, tỉnh Đồng Nai).

- Căn cứ Khoản 4 Điều 397, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân gia đình;

- Căn cứ vào biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 08 tháng 11 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 08 tháng 11 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn, giữa:

Bà Nguyễn Huỳnh E, sinh năm 1980; cư trú tại: Đường L, phường S, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (nơi đăng ký thường trú: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre);

Và ông Phạm Đức N, sinh năm 1981; cư trú tại: Đường T, phường X, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (nơi đăng ký thường trú: phường Q, thành phố H, tỉnh Đồng Nai).

Giấy chứng nhận kết hôn số 69, quyển số 01/2010, ngày 15 tháng 7 năm 2010 của Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai hết hiệu lực.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Bà Nguyễn Huỳnh E là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Phạm Huỳnh Bảo N, sinh ngày 10 tháng 4 năm 2013; hàng tháng ông Phạm Đức N có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng, bắt đầu thi hành từ tháng 11 năm 2017.

Kể từ khi bà E có đơn yêu cầu thi hành án, ông N chưa đóng góp số tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng ông N còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Ông Phạm Đức N có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

Vì lợi ích của con khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản khi ly hôn: Các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ việc này.

- Về lệ phí: bà E và ông N phải chịu lệ phí là 300.000 đồng, được trừ vào tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2017/0027606 ngày 09/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh; đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND Q. Gò Vấp;
- THADS Q. Gò Vấp;
- UBND phường Q, thành phố B, T. ĐN;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN
(đã ký)

Trần Đăng Tân